

BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN CSSK BỆNH CHUYÊN KHOA TAI - MŨI - HỌNG
Lớp: CDĐD8B

GVPT: BS. Lưu Thoại Châu

SĐVHT: 1

TT	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM KIỂM TRA		ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		TỔNG KẾT		Ghi chú
			HS2			L1	L2	L1	L2	
			LT	LS						
1	Ngô Thị Tuyết	Cầm	9	7	8.0	7		8		
2	Kim Thị	Cúc	9	7	8.0	7		8		
3	Bùi Văn	Đại	8	7	7.5	7		7		
4	Trịnh Văn	Đô	8	8	8.0	7		8		
5	Trần Thị Mỹ	Dung	8	7	7.5	7		7		
6	Lê Minh Thành	Duy	8	7	7.5	7		7		
7	Thái Vĩnh	Hậu	8	7	7.5	6		7		
8	Huỳnh Huy	Hoàng	9	8	8.5	8		8		
9	Văn Duy	Khanh	4	7	5.5	6		6		
10	Mai Trần Tuấn	Khoa	7	8	7.5	6		7		
11	Dư Thị Xuân	Linh	8	7	7.5	6		7		
12	Quách Văn Lâm	Linh	9	7	8.0	8		8		
13	Lê Hữu	Lộc	6	7	6.5	5		6		
14	Danh	Minh	9	7	8.0	7		8		
15	Trần Huỳnh Quang	Minh	7	7	7.0	7		7		
16	Huỳnh Hồng	Mơ	9	8	8.5	8		8		
17	Lữ Thị Kim	Ngân	9	7	8.0	7		8		
18	Lý Kim Ánh	Nguyệt	8	8	8.0	6		7		
19	Huỳnh Thị Yến	Nhi	7	8	7.5	7		7		
20	Đoàn Thị	Nhi	9	8	8.5	7		8		
21	Vũ Thị Hải	Nhi	9	7	8.0	7		8		
22	Phạm Thê	Phương	7	8	7.5	6		7		
23	Nguyễn Hoài	Phương	8	7	7.5	6		7		
24	Bùi Phát	Quý	8	7	7.5	6		7		
25	Lâm Bửu	Tài	7	7	7.0	6		7		
26	Tăng Thành	Tâm	9	7	8.0	8		8		
27	Nguyễn Chí	Thanh	7	7	7.0	7		7		
28	Ngô Phương	Thảo	8	6	7.0	7		7		
29	Nguyễn Bé	Thảo	9	7	8.0	7		8		
30	Nguyễn Trí	Thức	8	8	8.0	8		8		

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐIỂM KIỂM TRA		ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		TỔNG KẾT		Ghi chú
			HS2						
		LT	LS		L1	L2	L1	L2	
31	Trần Thủy Tiên	10	7	8.5	7		8		
32	Trương Phước Tiến	8	7	7.5	7		7		
33	Huỳnh Trần Bảo Trâm	9	7	8.0	7		8		
34	Nguyễn Đức Trường	7	8	7.5	6		7		
35	Huỳnh Quốc Tú	7	8	7.5	6		7		
36	Nguyễn Bích Tuyền	9	7	8.0	7		8		
37	Nguyễn Xuân Tường Vi	8	7	7.5	7		7		
38	Danh Vĩ	8	8	8.0	7		8		
39	Trần Thị Thúy Vy	9	7	8.0	7		8		
40	Thị Yên	10	7	8.5	8		8		
41	Sơn Thị Kim Linh	9	8	8.5	7		8		
42	Nguyễn Thị Kiều Trang	7	6	6.5	0		3		Vắng thi

Ghi chú: Danh sách này có 42 sinh viên, đạt yêu cầu: 41, không đạt yêu cầu: 1

Xếp loại học tập: XS: 0

Giỏi: 20

Khá: 19

TB Khá: 2 TB: 0 Yếu - kém: 1

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 4 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

LẬP BẢNG

Lý Chí Dũng

Huỳnh Điền Côn